

GIỌNG HÁN VIỆT: VẤN ĐỀ DỊCH ÂM VÀ DỊCH NGHĨA

Ts Nguyễn Hữu Phước

(Bài này gồm nhiều đoạn trích từ ba bài khác nhau trong quyển Tiếng Việt Gốc Ngoại Quốc, cùng tác giả. Xin xem tóm lược của quyển sách ở cuối bài)

TRUNG HOA VÀ VẤN ĐỀ PHIÊN DỊCH (Ghi Chú: HV = Hán Việt; QT = Quan Thoại)

Khi người Trung Hoa gặp một chữ ngoại quốc mà Trung Hoa chưa có chữ tương đương, họ thường dùng hai cách để dịch các chữ đó: dịch âm hay/và dịch nghĩa.

DỊCH ÂM (Phiên Âm)

Người Trung Quốc (người Hoa hay người Tàu) dùng chữ Hán (Tàu) và âm Hán để ghi lại âm một địa danh, nhân danh hay một ý niệm trừu tượng của một địa phương, xứ (quốc gia) giống như âm của nguyên ngữ mà nơi đó đã dùng.

Trường hợp dịch âm được dùng nhiều nhất cho các địa danh và nhân danh. Ví dụ nhân danh (và dùng làm tên thủ đô = địa danh): Hoa Thịnh Đốn 華盛頓 là phiên âm Tàu (dịch âm) của chữ Washington. Người Tàu đọc ba chữ đó theo âm của họ thì rất gần giọng Anh hay giọng Mỹ của chữ Washington.

Nhưng chúng ta đọc bằng giọng Hán Việt *Hoa Thịnh Đốn* thì âm khác khá xa. Nếu có sự trùng hợp giữa âm Tàu (QT) và âm HV thì giọng đọc gần như nhau. Họ dịch âm tên quốc gia Argentina (Argentine) là 阿根廷 = HV *Á Căn Đình*. Xem đoạn tiếp theo về địa danh đọc bằng HV, sau phần dịch nghĩa.

DỊCH NGHĨA

Người Hoa dùng một chữ hay một nhóm chữ Hán có nghĩa tương đương hay gần đúng như ý nghĩa của nguyên ngữ để ghi lại ý nghĩa của nguyên ngữ. Những chữ trừu tượng thuộc triết học, hay tôn giáo hoặc ngay cả nhân danh có nhiều chữ loại dịch nghĩa này. Ví dụ:

Trong các kinh Phật giáo, chữ bodhisattva là âm Sancrit, Trung Hoa dịch âm bằng 4 chữ: 菩提薩埵 (âm HV là *Bồ đề tát đóa* và đọc tắt là *bồ tát*).

Theo nghĩa, chúng ta có: Bodhi = giác, sattva = chúng sanh. **Bodhisattva** là người đã giác ngộ và phổ độ chúng sanh. Do đó bodhisattva còn được **dịch nghĩa** với ba chữ là **đấng giác tha**.

Trong sách Công giáo Trung quốc, người Hoa dịch chữ Holy child Jesus là 耶穌聖嬰 (âm HV: *Gia tô Thánh Anh*. Chữ *Gia tô* là dịch âm của *Jesus*, trong lúc *Thánh Anh* là dịch nghĩa của *Holy child*. (Việt Nam dịch nghĩa chữ Holy Child Jesus bằng chữ Chúa Hài đồng).

VIỆT NAM, GIỌNG HÁN VIỆT VÀ VẤN ĐỀ PHIÊN DỊCH

Như vừa nói bên trên. Chữ quốc ngữ đang trên đường phát triển và mượn nhiều chữ mà người Hoa hoặc người Nhật đã dịch rồi, dù là dịch âm hay dịch nghĩa. Tiếng HV hay **giọng HV là một giọng đọc theo kiểu riêng của VN mà các nhà nho (những người VN biết chữ Hán) dùng để đọc chữ Hán hay chữ Trung quốc.**

GIỌNG HV, ĐỊA DANH, NHÂN DANH

Vấn đề người VN đọc các địa danh hay nhân danh ngoại quốc bằng cách nào là một vấn đề cho đến nay vẫn còn trong vòng tranh luận và chưa có một quy tắc rõ ràng.

Tên một số lớn các quốc gia** (có trên 50 năm lịch sử lập quốc) và một số những nhân danh được dùng làm địa danh mà chúng ta quen dùng trong sách VN là những chữ Hán Việt dùng chữ “dịch âm” của Trung Hoa, và chúng ta đọc lại bằng giọng Hán Việt để dùng (vì Trung Hoa đã có dùng những chữ này rồi trong sách vở của họ).

Ví dụ về tên các quốc gia** (địa danh):

Ai Cập < 埃及 (Egypt); Anh Cát Lợi 英吉利 (England); Bồ Đào Nha 葡萄牙 (Portugal); Gia Nã Đại < 加拿大 (Canada); Mỹ < 亞美利加合眾國 = Á Mỹ Lợi Gia Hợp Chúng Quốc, gọi tắt là Mỹ, hay Hợp Chúng Quốc (America); Pháp < 法蘭西 = Pháp Lang Tây gọi tắt là Pháp (France); Ý < 意大利 = Ý Đại Lợi, gọi tắt là Ý (Italy) v.v.

[(Địa danh America được chúng ta chiếu cố qua bốn tên. Ba tên đầu là tiếng HV: “Mỹ, Hoa Kỳ, và Hợp Chúng Quốc” (vì là một liên bang gồm nhiều bang do chữ United States). Tên thứ tư “xứ Cờ Hoa” là một trường hợp có chút đặc biệt, vì chữ này phát sinh do chữ “Hoa Kỳ”. Theo lẽ khi “dịch” ra tiếng Việt thuần túy phải là “Cờ Bông”. Còn trong chữ “Cờ Hoa”, cờ là tiếng Việt, còn Hoa lại là HV. Chữ Cờ Hoa đã được phổ biến rộng rãi rồi. Ít khi nghe ai nói tới xứ Cờ Bông.)]

Như đã nói trong phần Chữ Hán Việt, Tàu không có âm R nên nếu nhân danh hay địa danh nào có âm R, khi dịch âm (phiên âm), người Hoa thay thế âm R bằng âm L.

Do đó chúng ta có France > Pháp Lan Tây (= gọi tắt là Pháp, hay Lan Tây. Trong các sách nói về Pháp, có người dùng Pháp Lang Sa, hay Lang Sa.) Hungary > Hung gia* lợi.

Ngoài ra, dân Việt ta cũng có tục cũ tên như người Hoa. Chữ Hungary : 利 匈 牙 = Âm Tàu là Hun nga lê-ị, âm HV là Hung *nha** ly. Vì tục cũ tên (xem quyển “Tên Họ Người VN” của giáo sư Nguyễn ngọc Huy), VN ta cũ tên Lị, (tên của vua Lê Thái Tổ nhà Hậu Lê, và Lê Thái Tổ được sử sách ghi tên là Lê Lợi), nên đọc lị thành lợi. Do đó có các địa danh Bảo gia lợi, Ý đại lợi v.v. Ngoài ra chúng ta còn đọc trại chữ *nha** thành *gia** > Hung Gia Lợi.

Trong vài thập niên gần đây, chúng ta lại thấy xuất hiện việc dịch âm các nhân danh hay địa danh ngoại quốc bằng cách dùng thẳng âm quốc ngữ Việt Nam. Ví dụ Israel được dịch âm là Is-ra-en; Afganistan > Áp-ga-ni-xtăng

[(Ngoài ra tên những quốc gia mới thành lập, hoặc mới đổi tên vào những thập niên cuối thế kỷ hai mươi cũng được Việt Nam dùng cách dịch âm theo quốc ngữ để viết và đọc. Ví dụ xứ Sri Lanca hiện tại được viết theo kiểu Việt Nam là Xri Lăng-ca, (ngày xưa chúng ta gọi là nước Tích Lan (giọng HV của hai chữ 錫蘭 = phiên âm của Tàu từ chữ Ceylan.)].

DNCH ÂM VÀ DỊCH NGHĨA TRONG SÁCH PHẬT GIÁO

(S = Sancrit; P= Pali)

a) Cách “dịch âm”

Người Trung Hoa (TH) dùng chữ Hán có âm giống nguyên ngữ Ấn độ và ghi lại chữ đó (dịch âm). Khi họ phát âm chữ Hán đó bằng giọng Tàu thì âm đọc ra đó giống như (hay gần giống) âm gốc India.

Ví dụ 1 : Chữ **Phật** (S & P: **buddha**). Trung Hoa dịch âm bằng 2 chữ 佛 佉 > Âm HV = **Phật đà**, VN đọc gọn là **Phật** ; Chữ **Thích ca Mâu ni** (Phật), âm Sanskrit là **Sakyamuni**; Trung Hoa dịch âm 釋迦牟尼, âm HV = **Thích ca Mâu ni**.

Ví dụ 2 : Chữ **paramita** đọc đầy đủ theo giọng HV là **ba la mật đa**, người Trung Hoa đã bỏ đi âm cuối và ghi lại cách đọc âm bằng 3 chữ Hán 波羅密 và đọc là **pa la mi** (như đã nói, TH không có phụ âm “r”, nên dùng phụ âm “l” và do đó đọc *pa la mi* thay vì *pa ra mi*). VN đọc ba chữ Tàu đó theo giọng Hán Việt (HV) là **ba la mật**.

[(Nghĩa của từng chữ HV: “ba” = sóng; “la” = lưới; và “mật” = dày hay kín đáo; nhưng viết chung thì *không có nghĩa gì cả*, vì chỉ “**mượn âm** để đọc chữ parami(ta)].

Do đó phải giải thích “**ba la mật**” = *parami(ta)* = **toàn thiện, giác ngộ, hay đến bờ giác ngộ**.

Ví dụ 3: Chữ **prajna** được người TH dịch âm là 般若 (HV = **bát nhã**, còn đọc là *ban nhược* (ban = loại, giống; nhược = thuận theo). Hai chữ bát nhã *chỉ là mượn âm* để đọc chữ prajna mà thôi.

Ngoài những ý niệm ra, họ thường dùng cách “dịch âm” để “dịch” tên người (**nhân danh**) hay tên các nơi chốn (**địa danh**) và tên các **cây cỏ** lạ của Ấn (nhưng cũng có khi họ dùng cách “dịch nghĩa” hoặc cả “dịch âm lẫn dịch nghĩa”).

Ví dụ về *dịch âm tên người* như: Chữ **Thích ca Mâu ni** (Phật) (bên trên).

Ví dụ về *dịch âm địa danh* chúng ta có thành **Ca tỳ la vệ** (P: Kapilavatthu) = tên thủ đô vương quốc lúc Phật Thích Ca còn là thái tử ở đó.

Ví dụ về *dịch âm tên thảo mộc*: cây **sala** (hay *ta la*) do chữ **sàla** (S&P); tên khoa học là *shorea robusta*. Ví dụ khác là hoa **Ưu đàm** tên ngắn của **Ưu đàm ba la** dịch âm chữ **Udambara**). Nó còn có tên (dịch âm) là hoa **Ưu bát la** (S: **utpala**); tên HV là **linh thụ hoa**.

Như vậy khi giọng Hán Việt giống giọng “dịch âm” của Trung Hoa thì chữ đó đọc gần giống nguyên ngữ Ấn. Nhưng nếu giọng HV khác giọng TH thì chữ “dịch âm” sẽ khác giọng đọc Ấn của nguyên ngữ.

b) Cách “dịch nghĩa”.

Khi tiếng Hán có chữ diễn tả được hết ý nghĩa của nguyên ngữ Ấn, Trung Hoa dùng chữ Hán để dịch nghĩa. Khi VN đọc lại chữ đó bằng giọng HV thì giọng HV đó hoàn toàn khác với âm của nguyên ngữ.

Ví dụ chữ **Ba la đề mộc xoa** (S: **pratimoksha**) được *dịch nghĩa* là **Giới bản** = bản liệt kê những giới luật của tỳ kheo (“Ba la đề mộc xoa” và “Giới bản” có âm khác nhau hoàn toàn). Thí dụ khác, như trên đã nói, là chữ dịch âm của **prajna** = **bát nhã** (dịch nghĩa: **trí huệ**).

Nếu không phải là giáo hữu Phật giáo, chúng ta “có thể” không hiểu **bát nhã** là gì. Nhưng khi đọc chữ **trí huệ** là chữ “dịch nghĩa” của nguyên ngữ Prajna, chúng ta có thể hiểu được nghĩa của nó.

Cũng y như vậy cho chữ **ba la mật** bên trên, người Tàu dùng 3 chữ Tàu khác 到彼岸 để “dịch nghĩa”, mà âm HV là **đáo bỉ ngạn** = “đến bờ bên kia” (đến bờ giác ngộ). Họ còn dịch nghĩa chữ **paramita** là 大幸 **đại hạnh** = hạnh phước to lớn. (Tuy nhiên kinh sách TH và cả kinh sách VN, vẫn dùng “**bát nhã ba la mật**” có lẽ những chữ “dịch nghĩa” tuy ngắn gọn, nhưng không thể diễn đạt hoàn toàn ý nghĩa thâm sâu của hai chữ prajna paramita)

TRONG VĂN CHƯƠNG CÔNG GIÁO

Cách thứ nhất là dùng những âm mới thuần Việt, không thấy dùng trong văn chương Công giáo, hay có dùng nhưng chúng tôi không tìm gặp hay chưa may mắn được gặp.

Cách thứ 2 là mượn cách *dịch âm* được dùng đến trong thời gian đầu (phôi thai) của việc truyền giáo và việc phát triển tiếng Việt.

Ví dụ chúng ta có trường hợp: Cây **thập giá** xưa kia được gọi là **cây cò rút** (do chữ **cruc** hay **cruz**), và **Chúa** (God) được dịch âm là **Chúa Đêu** do chữ *Deus* của Hy Lạp.

Sau đó còn dùng nhiều chữ theo cách dịch nghĩa.

Ví dụ về dịch nghĩa: Chữ **Chúa** dịch nghĩa từ chữ **Dominus** (La tin) hay chữ **Kyrios** (Hy Lạp) = “người cầm đầu” hay “người cai trị”; [(The Lord, the Ruler]. Các dịch giả trong thời kỳ “Cựu Ước” (trước thời Chúa Giáng Sinh) đã dùng chữ “*Kyrios*” là chữ “*dịch ý*” của chữ *Yahweh*, dùng thay cho chữ *Yahweh*. Đến thời “Tân Ước” (sau Giáng Sinh), Giáo hội sơ khai dùng danh xưng “*Kyrios*”, để nói về Chúa Cứu Thế để vinh danh Chúa Giêsu. Và tiếp theo là các nhà thần học đã dùng danh xưng **Chúa Giêsu Kitô** để “biểu hiện Thần tính của Ngài” (1).

Ví dụ về dịch âm và dịch nghĩa: Chữ **Giêsu** do nguyên ngữ Hebrew là **Yehoshua** (hay **Joshua** hoặc **Josué**) và sau đó thành **Jesus***. *Giêsu* là chữ *dịch âm* (phiên âm theo tiếng Việt, trong khi **Đa tô** hoặc **Gia Tô*** = *dịch âm theo TH và đọc giọng*

HV và viết bằng quốc ngữ).Giêsu có nghĩa là **Thiên Chúa cứu độ**. Vì vậy, Ngài còn có tên là **Chúa Cứu Độ** hay **Đấng Cứu Độ**. Vậy *Chúa Cứu Độ* là chữ *dịch nghĩa* của chữ *Jesus*.

Ví dụ về dịch âm: Chữ **Kitô**: Cũng y như vậy, chúng ta có chữ **Kitô** là “dịch âm” của chữ **Christus** (La tin) hay chữ **Christos** (Hy Lạp).

Sách Trung Hoa “dịch âm” chữ Chritos thành 4 âm **Ch-ri-s-tos** 基利斯督. Khi họ đọc theo giọng TH thì giống như đọc chữ **Chlistos** (xin nhắc lại TH không có âm “R” nên dùng âm “L” > ri = lì > lợi). Nhưng giọng Hán Việt của VN đọc là **Cơ lợi tư đốc** và đọc gọn là **Cơ đốc**. Vì vậy, do sự mượn những chữ đã có sẵn của TH mà trước kia chúng ta còn gọi đạo **Thiên Chúa** hay đạo **Kitô** là đạo **Cơ đốc**.

Những năm gần đây (sau 1975) ít ai dùng chữ “đạo **Cơ đốc**” vì có thể hiểu lầm với chữ “Cơ đốc Phục lâm” (Adventism hay Millerism) là một tông phái Tin lành, một trong những tông chi trong Kitô giáo (Christianity.)

Cách thứ 3 dùng những chữ Việt thuần hay Hán Việt, được sử dụng một cách rất hay và dễ hiểu trong việc dịch các kinh nguyện. Thí dụ “kinh Lạy cha” có 71 chữ trong đó chỉ có 4 chữ gốc Hán Việt (khoảng 6 phần trăm).

Có thể ghi nhận là việc dịch thuật sách Thánh lễ từ tiếng La tin sang tiếng Việt của các học giả Công giáo là một công trình thành công. Trong tháng Sáu, 2006, Hội đồng giám mục Công giáo Hoa kỳ vừa mới chấp thuận bốn sửa đổi nhỏ trong sách Thánh lễ tiếng Anh, đã dịch cách đây khoảng 40 năm (K. Conie Kang, LA Times June 16, 2006: U.S. Catholic bishops approve new English Translation of Mass) vì nhận thấy rằng bốn chỗ đó dịch không đúng ý của bản La tin. So sánh lại với bản tiếng Việt, thì VN đã dịch đúng ba trong bốn chỗ vừa sửa đổi.

Rất nhiều chữ mượn thẳng từ tiếng Hán do Trung Hoa đã dùng, và đọc bằng giọng HV như chữ *gospel* = *phúc âm*, *church* = *giáo hội*, *Holy Spirit* = *Thiên chúa Thánh thần* = 聖神, hay *Thánh Linh* = 聖靈 v.v. Chúng ta để y và dùng y như vậy.

Cách thứ 4, dùng chữ Hán Việt biến chế chữ mới, cũng được sử dụng nhiều. Chúng ta mượn những chữ có nghĩa tương đương, nhưng có lẽ nghe “êm tai” hơn hay diễn đạt thật đúng “nguyên ngữ”.

Ví dụ những chữ: *catholic priest*, *bishop*, *archbishop*, và *Holy child Jesus* người Trung Hoa dịch hay đọc các chữ trên theo thứ tự là: 神父 (**thần phụ**), 主教 (**chủ giáo**), 大主教 (**đại chủ giáo**), và **Gia tô Thánh Anh** 耶穌聖嬰; (Gia tô = Jesus; anh = trẻ sơ sanh).

Trong lúc đó chúng ta dùng các chữ **linh mục**, **giám mục**, **tổng giám mục**, và **Chúa Hải đồng**, (các chữ kép này không có trong tự điển Hán Việt).

Ngoài ra chúng ta còn mượn một phần chữ Hán Việt chung với chữ Việt thuần trong việc dịch. Thí dụ Trung Hoa dùng chữ **Chí thánh Thánh phụ** = 至聖聖父 để chỉ *Chúa Cha* trên trời. Chúng ta dùng **Cha Chí Thánh**, **Đức Chúa Cha**, **Chúa Cha** hoặc **Thượng đế**.

Chữ quốc ngữ tương đối rất mới với dân Việt. Tiếng Việt, như các ngôn ngữ khác, cũng đang trên đà phát triển trong mọi phạm vi, kể cả tôn giáo.

Gần đây, trong văn chương Công giáo cũng có nhiều chữ mới. Ví dụ “Thiên Chúa Ngôi Ba” trước kia Công giáo dùng chữ “Chúa Thánh Thần”, Tin lành dùng “Chúa Thánh Linh”. Gần đây Công giáo cũng dùng Thánh Linh. Ví dụ khác là nhóm chữ mới *Canh tân đặc sủng* (charismatic renewal hay Pentecostal Renewal) còn gọi là *Phong trào Thánh linh* đã dùng chữ *linh mục linh hướng* hay *cha linh hướng* để chỉ vị linh mục được chỉ định lo vấn đề “canh tân đặc sủng” (nếu chúng tôi không lầm, chữ *cha linh hướng* đã có tại các chủng viện công giáo từ thập niên 50; thêm vào có vài hội đoàn khác gọi vị linh mục này là *cha tuyên úy* hay *cha trợ úy*).

KHÓ KHĂN TRONG VIỆC HỌC HỎI

Đối với những người đang học hỏi về những chữ HV đã có sẵn trong sách, cách “dịch âm” mà người Tàu dùng (để đọc nhân danh hay địa danh ngoại quốc) và việc những nhà nho VN dùng giọng HV để đọc và ghi lại trong sách vở, trở thành một khó khăn khá lớn cho chúng tôi khi tìm hiểu về nguyên ngữ.

Thêm vào còn có vấn đề đọc các chữ **phiên âm thẳng bằng quốc ngữ**. Ví dụ New Guinea viết là Tân Ghi-nê (vừa dịch nghĩa vừa ghi âm), Grand Canyon = Gờ-răn-đơ Ca-nhi-on.) Không biết trong những năm của vài thập niên vừa qua, một tác giả khi phiên âm một địa danh hay nhân danh ngoại quốc, đã theo giọng đọc nguyên ngữ của nước đó, hay theo cách đọc của Pháp, Anh, hay Nga (vì chúng ta có nhiều học giả tốt nghiệp từ nhiều đại học ngoại quốc khác nhau). Việc tìm nguyên ngữ trở nên khó khăn hơn.

NHỮNG VÍ DỤ VỀ “MƯỢN ÂM = DỊCH ÂM”

Sau đây là một vài thí dụ do một anh bạn người Mỹ gốc Hoa, có sống lâu năm ở VN giải thích về chuyện “mượn âm” hay “dịch âm”.

[(Anh bạn Chinese Vietnamese American này rất trôi chảy giọng Quan thoại, Quảng đông và Hakkha (một phương ngữ khác của Tàu), và giọng HV nữa (và Anh văn là chuyện đương nhiên.)]

1. **NHON DANH:** Tên tổng thống **Reagan**, người Trung Hoa dùng 2 chữ 雷根 trên báo chí. Họ hiệu 2 chữ đó chỉ ông Reagan mặc dầu chữ đầu có nghĩa là “sấm sét” và chữ thứ 2 có nghĩa là “nguồn gốc”. Giọng QT: **Lôi kan** = Reagan (Tàu không có âm **R** nên dùng âm **L** do đó **Rôi kan** thành **Lôi can**). Giọng HV: **Lôi căn**. Như vậy họ chỉ dùng *âm* mà thôi còn nghĩa của chữ *lôi căn*, xin hãy bỏ qua cho (forget about it).

Một ví dụ khác là tên tổng thống **Bush**, họ viết 布希 và giọng Quan thoại: bus-shì. Giọng HV: **Bố hy** (bố = vải, hoặc tuyên cáo; hy = ít, sơ sài). Hai chữ **Bus** và **shì** đi chung thành 2 chữ “vô nghĩa” trong bối cảnh “dịch âm” của Tàu.

Cái khó khăn là nếu một nhà nho nào đó dịch đoạn báo thuật chuyện hai ông Lôi căn và **Bố hy** có gặp nhau và bàn về an ninh của HK; và rồi một tác giả khác trích đoạn văn đó và cho vào sách. Và 1 năm sau, cháu nội tôi (ông) học tiếng Việt, thấy tên ông Lôi căn và ông **Bố hy**, hỏi tía nó (rất dở tiếng Việt, chớ đừng nói gì tiếng HV) họ là ai. Tía nó không trả lời được, hỏi tôi (ông), tôi (ông) cũng mù tịt luôn.

ĐN DANH: Anh bạn cho tôi thêm một ví dụ về địa danh: chữ **Sài Gòn**.

Người Tàu “dịch âm” chữ Sài Gòn là 西貢 và đọc theo âm quan thoại là **txí cung** (nếu đọc cho đúng giọng quan thoại thì rất gần với chữ Sài Gòn), và theo giọng Quảng

đông là Sây công, cũng gần giống Sài gòn. Nhưng giọng HV là **Tây công** (Tây = hướng Tây, công = dâng hiến) có âm hoàn toàn xa chữ Sài gòn. Anh bạn tôi nói thêm: Xin đừng nghĩ gì tới cái nghĩa của hai chữ Tây công vì đây chỉ là trường hợp dịch âm mà thôi (thí dụ nói Tây công là thành phố dâng cho Tây hay Pháp, sẽ hoàn toàn vô nghĩa.)

[(Hầu hết các xe vận tải hành khách của người Hoa vào đầu thập niên 1950 đều ghi tuyến đường từ hoặc đến Sài Gòn là *Tây Công*. Ở thành phố Rosemead, thuộc quận hạt Los Angeles, bang California, có một tờ tuần báo với tên **Saigon Times**. Vùng này có nhiều người Mỹ Việt gốc Hoa. Trên góc tờ báo chúng ta thấy bốn chữ Hán 西貢時報 (giọng HV là **Tây Công Thời Báo**).

Ngoài ra ngày xưa người Trung Hoa ở VN còn gọi vùng Chợ lớn (một phần đất thuộc thành phố Sài Gòn, và ở vùng Tây của thành phố) là 禔岸. Hai chữ này có giọng HV là **đề ngạn** (đề = bờ đê, ngạn = bờ sông), giọng Quảng Đông là **Xi cun**, giọng Triều châu là **Thì-ì ngò-ôn** nghe cũng khá giống Sài gòn. Vì vậy có sự ngộ nhận là người Trung Hoa dùng hai chữ “Đề ngạn” để “dịch âm” chữ Sài gòn. Còn tại sao họ gọi vùng Chợ lớn là “Đề ngạn” thì “thú thật” là tôi đành chịu thua.]]

Địa danh CỎ LOA. Sẵn dịp, tôi hỏi về tên một thành cổ ở VN là thành **Cổ Loa**. Anh bạn bảo viết ra tiếng Tàu, tôi không biết viết. Anh hỏi biết nghĩa không? Tôi đưa quyển Tự điển HV (Đào Duy Anh) ra và chỉ chữ Cỏ loa thành và thấy định nghĩa sau:

[Cổ loa thành 古螺城: (Sử) Kinh đô của An dương vương, hiện còn dấu tích ở tỉnh Vĩnh Yên Bắc Kỳ]

Sau khi nhìn thấy chữ 3 chữ Tàu và nghe tôi đọc xong câu giải thích trong tự điển (xin thưa tôi quên nói là Anh bạn này không biết đọc tiếng VN, chỉ biết nói), Anh nói: **Đây là một trường hợp “dịch âm” nữa.** Mỗi chữ “cỏ” và “loa” đều có nghĩa riêng, nhưng nếu nhập chung thì theo Anh, không có nghĩa, theo cách hiểu của Anh như là một người Trung Hoa. Anh nói Anh không biết gì về ngữ học, nhưng có hai vấn đề cần nói.

Thứ nhất, không biết ngày xưa Vua An dương vương gọi thành đó là gì “bằng tiếng Việt của thời đó”.

Thứ hai, người Trung Hoa dịch âm và đọc theo giọng của TH lúc xưa. Cổ loa theo giọng Bắc kinh là **Cù li-ôa**, (tôi cố gắng ghi cho gần đúng nhất giọng đọc của Anh), và giọng Quảng đông là **Cũ lòa**.

Vậy theo Anh, phải cần một người Việt hay một người Trung Hoa vừa biết tiếng nói, cách đọc của cả hai thứ tiếng (TH và VN) thì may ra mới biết được tên Việt của thành này khi nghiên cứu đối chiếu sách xưa* của VN và TH.

[(Trong một buổi nói chuyện ở Viện Việt học, thành phố Westminster California, vào ngày 2 tháng Tư, 2006, về các cổ thành Việt Nam, Bác sĩ Nguyễn Hy Vọng cho biết (theo một tài liệu mà ông có) là thành **Cổ Loa** ngày xưa tên là **Kha-ru** hay **Kho-ru***, tiếng gốc Ấn Độ (India) có nghĩa là “thành quách”; (chữ **ru*** trong **Kho-ru** đã được Trung Hoa đọc thành **Loa**, vì như đã nói, TH không có âm “r”, chú thích của người viết bài này).

Cũng trong buổi này, Bác sĩ Trần Ngọc Ninh, Viện trưởng Viện Việt học, suy đoán là thành này ngày xưa có lẽ tên là thành **Kê lũy**, vì thành đã dùng “đá ong” ở vùng Kê lũy (một địa danh gần dấu vết xưa của thành Cổ loa) để xây. Cả hai chữ “Kha ru hay Kê lũy đều có âm khá gần với âm *Cù-li-ôa*.)]

Anh nói tiếp là không ngờ đang bàn chuyện Coca cola cho vui, mà trở thành “bài toán” khó quá vậy.

[(Trung Hoa “dịch âm” Coca cola = 可口可樂 = ngon miệng vui thay! HV đọc là *khả khẩu khả lạc*, nhưng giọng “dịch âm” theo giọng Quan thoại đọc 4 chữ Tàu trên rất gần với chữ coca cola; người Trung Hoa vừa dịch âm vừa chơi chữ với “âm” và có cả “nghĩa” diễn tả cái vị của Coca cola nữa.)]

NHẬN XÉT

Nhìn vào vấn đề phiên dịch những từ ngữ ngoại quốc sang tiếng Việt trong những chữ gốc Pháp, Ấn, và La tin chúng ta sẽ thấy **chữ Hán Việt luôn luôn giữ vai trò chính yếu trong việc phát triển và làm phong phú thêm cho tiếng Việt.**

Việc dịch âm do người Hoa, và việc đọc lại các chữ đó bằng giọng Hán Việt và ghi âm Hán Việt bằng âm quốc ngữ (chữ Hán Việt) VN khiến cho âm mà chúng ta gặp trong các sách VN có thể khác xa âm gốc của nguyên ngữ, và do đó trở thành một vấn đề cần thận trọng khi tìm hiểu nguyên ngữ hay nguyên nghĩa của một chữ (từ) ngoại quốc đã được dân ta dùng lâu ngày và coi như một chữ của VN (Việt hóa).

[(TÓM LƯỢC QUYỀN TIẾNG VIỆT GỐC NGOẠI QUỐC:

Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Liêm:

Tiếp theo “Tiếng Việt Đa Dạng”, hôm nay Tiến Sĩ Nguyễn Hữu Phước cho ra đời soạn phẩm thứ hai của ông: “Tiếng Việt Gốc Ngoại Quốc”. Đây là một tác phẩm biên soạn rất công phu, đòi hỏi tác giả phải để nhiều thời gian, qua nhiều năm tháng để thu thập tài liệu, dữ kiện, đối chiếu với các tài liệu tham khảo, sắp xếp, phân tích, suy luận và tổng hợp lại, làm thành công trình biên soạn khoa học hết sức quý giá, có thể giúp ích rất nhiều cho những ai muốn hiểu sâu về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam sau này.”

Sau đây xin tóm lược về quyền sách

Có thể nói đây là một quyền lược sử về sự phát triển của chữ quốc ngữ và ngôn ngữ Việt. Chúng ta sẽ thấy khả năng tuyệt diệu của chữ quốc ngữ trong việc mượn chữ và Việt hóa các từ ngữ mới.

Mục tiêu chính của quyền sách này là để tìm hiểu **hoàn cảnh lịch sử** mà dân ta đã hội nhập một số chữ ngoại quốc vào ngôn ngữ Việt, **nguyên ngữ hay nguyên nghĩa** của số chữ đó.

A. Trước hết, Có hàng chục ngàn chữ Việt có gốc Hán Việt (HV) hay biến thể từ HV, do đó chữ HV có ảnh hưởng sâu rộng trong ngôn ngữ Việt. **** Ngoài ra, còn có vài trăm chữ Việt Tàu như há cáo, xú mại, dầu chá quấy v.v. mà chúng ta không thể quên.

B. Chúng ta có một số chữ Việt gốc Khmer, và rất nhiều chữ đồng âm / đồng nghĩa: cà ràng, cà ròn, cà chón, cà thọt, Cà Mau, Sóc Trăng, cá trê, cá bông lau v.v.

C. Khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, chúng ta còn sử dụng và thấu nhận **những chữ từ Ấn Độ:** ti kheo, sa di, nam mô A Di Đà Phật, v.v. và hầu hết những từ ngữ Phật giáo.

D. Sự du nhập của Công giáo vào Việt Nam cũng đã đưa đến việc sáng chế ra chữ quốc ngữ và sự hội nhập nhiều ý tưởng, từ Trung Đông và Nam Âu Thiên Chúa, Chúa Kitô, amen, giám mục, giảng sinh, phục sinh v.v..

E. Sự đô hộ của người Pháp ở Việt Nam đã đưa đến sự hội nhập những tư tưởng về triết lý, khoa học, văn chương v.v. của Tây phương. Chúng ta cũng Việt hóa vài ngàn chữ Pháp theo cách dịch âm: cà rá, áo bành tô, nhà ga, đường rầy, xúp, phó mách v.v..

F. Trong thời gian 1950-1975, chúng ta còn thấu nhận thêm một số chữ Việt gốc Anh qua ảnh hưởng của việc giao tiếp với Hoa Kỳ.

Sau biến cố 1975, khoảng ba triệu dân Việt đã di cư đến nhiều quốc gia khác, nhờ đó ngôn ngữ Việt lại được tiếp tục phát triển với nhiều từ ngữ mới.)]

Nguyễn H. Phước

(714) 375 -3063 Email: frankphuc@yahoo.com